

Bản án số: 131/2024/DS-ST
Ngày: 02 - 7 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thay;
- Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh** tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thái Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn: Ngân hàng A.**

Địa chỉ trụ sở: Số 266-268 N, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang T, chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh kiêm Trưởng phòng giao dịch Tân Châu (theo văn bản ủy quyền ngày 25/12/2023);

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thuý A1, chức vụ: Trưởng bộ phận quản lý tín dụng và KSRR (theo văn bản ủy quyền ngày 27/5/2024); vắng mặt.

2. **Bị đơn: Bà Phạm Thị Ngọc A2**, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 4, ấp Đ, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 3 năm 2024 của nguyên đơn, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thuý A1 trình bày:

Ngày 24/06/2020, Phạm Thị Ngọc A2 có ký với Ngân hàng A – PGD Tân Châu (gọi tắt là Ngân hàng) 01 hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (gọi tắt là hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập và uy tín của bà Ngọc A2 tại địa phương. Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Loại thẻ: Thẻ tín dụng, số thẻ: 970403-9168; Số tài khoản thẻ: 3966660502, hạn mức sử dụng: 15.000.000 đồng, ngày đến hạn thanh toán: Ngày 15 hàng tháng; Lãi suất lúc phát hành thẻ: 24.6%/ năm.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Ngọc A2 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 30.500.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Ngọc A2 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 28.565.000 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Ngọc A2 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Ngọc A2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 22/12/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng) với số tiền là 16.830.676 đồng.

Tính đến nay, bà Ngọc A2 còn nợ tiền gốc là 16.830.000 đồng tiền lãi là 3.580.416 đồng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu bà Ngọc A2 trả số tiền gốc là 16.830.676 đồng, tiền lãi tính đến ngày 02/7/2024 là 3.580.416 đồng, tổng cộng là 20.411.092 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã thoả thuận phát sinh từ ngày 03/7/2024 đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn – Bà Phạm Thị Ngọc A2 trình bày:

Vào ngày 24/6/2020, bà có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng giống như Ngân hàng đã trình bày. Sau khi sử dụng thẻ đến năm 2023, bà không còn khả năng trả tiền gốc, lãi cho Ngân hàng. Nay, Ngân hàng yêu cầu bà trả số tiền gốc là 16.830.676 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 25/3/2024 là 1.734.264 đồng, bà đồng ý trả.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với

phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với bà Phạm Thị Ngọc A2. Buộc bà A2 trả nợ gốc 16.830.676 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 25/3/2024 là 1.734.264 đồng, tổng cộng là 18.564.940 đồng. Bà A2 tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã thoả thuận phát sinh từ ngày 26/3/2024 đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Án phí đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng A là nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Phạm Thị Ngọc A2 là bị đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng A và bà Phạm Thị Ngọc A2.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 24/06/2020, bà Phạm Thị Ngọc A2 có ký với Ngân hàng 01 hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, Số tài khoản thẻ: 3966660502; Hạn mức sử dụng: 15.000.000 đồng; Ngày đến hạn thanh toán: Ngày 15 hàng tháng; Lãi suất lúc phát hành thẻ: 24.6%/ năm.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Ngọc A2 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 30.500.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Ngọc A2 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 28.565.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc nhưng bà Ngọc A2 vẫn không trả được cho Ngân hàng, nên các bên xảy ra tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngân hàng và bà Phạm Thị Ngọc A2 xác nhận vào ngày 20/6/2020, hai bên có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Quá trình sử dụng bà Ngọc A2 còn nợ lại số tiền gốc là 16.830.676 đồng và tiền lãi tính đến ngày 02/7/2024 là 3.580.416 đồng. Nay, Ngân hàng yêu cầu bà Ngọc A2 trả tiền gốc và lãi theo hợp đồng đã ký, bà Ngọc A2 đồng ý trả theo yêu cầu của Ngân hàng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bà Phạm Thị Ngọc A2 phải chịu án phí sơ thẩm tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 144, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với bà Phạm Thị Ngọc A2 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Phạm Thị Ngọc A2 trả cho Ngân hàng A số tiền 20.411.092 (hai mươi triệu bốn trăm mười một nghìn không trăm chín mươi hai) đồng (trong đó, tiền gốc là 16.830.676 (mười sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn sáu trăm bảy mươi sáu) đồng, tiền lãi là 3.580.416 (ba triệu năm trăm tám mươi nghìn bốn trăm mười sáu) đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 02/7/2024 cho đến khi thi hành án xong, bà Phạm Thị Ngọc A2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 24/6/2020 giữa Ngân hàng A và bà Phạm Thị Ngọc A2 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng A.

2/ Về án phí:

Bà Phạm Thị Ngọc A2 phải chịu 1.020.500 (một triệu không trăm hai mươi nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền 464.000 (bốn trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm Ngân hàng A đã nộp tại biên lai thu số 0006078 ngày 12/4/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Xuân Lan